TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày: 08-06-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lương Thị T Quyên

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Ngọc Vân

Bà Nguyễn Thị Lại

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đào Thị Oanh – Thư ký TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

- ***Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên toà***: Ông Đinh Văn Khoa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/06/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2018/HSST ngày 18/04/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 38/2018/QĐXXST – HS ngày 28/05/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**- Sinh năm 1993

HKTT: Thôn N - xã T - huyện V- tỉnh Bắc Giang

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Bố đẻ: Nguyễn Văn B, sinh năm 1973, nghề nghiệp: làm ruộng.

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1975, nghề nghiệp: làm ruộng.

Vợ: Trần Thị Kim H, sinh năm 1998, nghề nghiệp: công nhân.

Con: Bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017.

Đều ở thôn N - xã T - huyện V - tỉnh Bắc Giang.

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/12/2017. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Văn T**- Sinh năm 1994

HKTT: thôn N - xã T - huyện V - tỉnh Bắc Giang

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Bố đẻ: Trần Văn M, sinh năm 1963, nghề nghiệp: làm ruộng.

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1960, nghề nghiệp: làm ruộng.

Đều ở thôn N - xã T - huyện V - tỉnh Bắc Giang.

Vợ, con: chưa có

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án:

+ Ngày 05/7/2013 bị Tòa án nhân dân huyện N - tỉnh Bắc Kạn xử phạt 09 tháng tù giam về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

+ Ngày 20/01/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại bản án số 16/2015/HSPT. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/05/2016, chưa chấp hành xong án phí 400.000 đồng và số tiền truy thu 2.700.000 đồng.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/2/2018. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B và có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

-Anh Nguyễn Văn T– Sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Anh Vũ Văn N– Sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người liên quan:

-Chị Nguyễn Thị D– Sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Anh Dương Đức M– Sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Anh Chu Hoàng M – Sinh năm 1991(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

-Anh Vũ Ngọc C– Sinh năm 1993(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ ngày 23/12/2017 tại cánh đồng thuộc, C quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Bắc Giang phối hợp với Công an xã Q, huyện V bắt quả tang Nguyễn Văn C- sinh năm 1993, trú quán: Thôn N - xã T - huyện V- tỉnh Bắc Giang đang có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98K1-109.07 của anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1987, trú quán: thôn Đ - xã B - huyện V - tỉnh Bắc Giang (xe do anh Tiến mượn của anh Chu Hoàng M- sinh năm 1991, trú quán: thôn Đ- xã Q - huyện V - tỉnh Bắc Giang). Vật chứng thu giữ gồm:

01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 98K1- 109.07

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn C khai nhận:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 23/12/2017, khi C đang chơi điện tử tại quán Internet ở chợ N - huyện V - tỉnh Bắc Giang thì có Vũ Ngọc C- sinh năm 1993 ở thôn N - TT. N - huyện V - tỉnh Bắc Giang đi cùng một T niên lạ mặt (C khai không biết tên, tuổi, địa chỉ) đến quán tìm, rủ C đi trộm cắp xe của người dân, bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, C đồng ý. Người T niên lạ mặt điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS màu trắng, C khai không nhớ biển kiểm soát đèo C ngồi giữa, C ngồi sau cùng đi theo hướng từ TT. N theo đường thôn Sen Hồ về hướng thôn K - xã Q - huyện V tìm xe mô tô để trộm cắp. Trên đường đi, người T niên lạ mặt điều khiển xe vào một cửa hàng tạp hóa tại cổng chợ N - huyện V mua cho C một chiếc mũ lưỡi trai và một khẩu trang để che mặt. Khi đi đến cánh đồng thuộc địa phận thôn K - xã Q - huyện V, quan sát thấy có một xe mô tô Honda Wave màu trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 98K1-109.07 của anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1987, trú quán: thôn Đ - xã B - huyện V - tỉnh Bắc Giang dựng ở ven đường, không có ai trông coi, cả ba thống nhất trộm cắp chiếc xe, bán lấy tiền chi tiêu. Người T niên lạ mặt điều khiển xe mô tô của mình đến gần chiếc xe mô tô của anh T, đưa cho C một chiếc cờ lê, một chiếc lục lăng bằng kim loại dài khoảng 12 cm, một đầu mài dẹt bảo C xuống xe, phá khóa chiếc xe mô tô để trộm cắp, còn C và người T niên điều khiển xe đi xung quanh cảnh giới. C xuống xe dùng một chiếc cờ lê, một chiếc lục lăng bằng kim loại dài khoảng 12 cm, một đầu mài dẹt để phá khóa xe nhưng không phá được, C bảo đưa cho C làm, C ngồi trên xe đưa lục lăng vào ổ khóa, dùng cờ lê vặn phá được khóa điện của xe mô tô. Sau đó, người T niên lạ mặt điều khiển xe đèo C và C ra phía đường bê tông cách chiếc xe của anh T khoảng 50 m rồi bảo C xuống xe đứng cảnh giới, rồi đèo C quay lại để trộm cắp chiếc xe trên. Khi quay lại chỗ xe mô tô của anh T, C xuống xe, T lại gần chiếc xe, ngồi lên xe nổ máy điều khiển xe mô tô đi về hướng UBND xã Q - huyện V - tỉnh Bắc Giang. Khi đi được khoảng 100 mét thì bị người dân, lực lượng Công an phát hiện, hô hoán và bắt quả tang, còn người T niên lạ mặt và C đã điều khiển xe đi đâu C không biết.

Ngày 25/12/2017, anh T đã đến Công an huyện Việt Yên trình báo, đề nghị xử lý đối tượng trộm cắp xe của anh theo quy định pháp luật.

Ngày 26/12/2017, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên tiến hành định giá và kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98K1-109.07 trị giá 15.000.000 VNĐ.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn C còn khai nhận cùng Trần Văn T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 17/12/2017, Nguyễn Văn C cùng Trần Văn T- sinh năm 1994, trú quán: thôn N - xã T - huyện V - tỉnh Bắc Giang cùng đi chơi tại đoạn đường thuộc địa phận thôn D - TT. B - huyện V - tỉnh Bắc Giang.Tại đây, do không có tiền chi tiêu nên C bàn với T đến nhà anh Vũ Văn N- sinh năm 1993 ở thôn T - xã T - huyện V - tỉnh Bắc Giang, là bạn của C để mượn xe mô tô, mang đi bán lấy tiền, T đồng ý. Do nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh N để lấy tiền chi tiêu nên C đã điện thoại cho anh N, nói dối anh N là mượn xe của anh để đi đón bố, anh N tưởng thật nên đồng ý. Sau đó,T gọi điện thoại cho bạn là anh Nguyễn Văn S- sinh năm 1997, ở thôn N - xã T - huyện V - tỉnh Bắc Giang bảo anh S đến đón C và T. Khoảng 30 phút sau thì anh S điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, biển kiểm soát 98H1-051.98 đến, T bảo S điều khiển xe đèo T và C đến thôn T- xã T - huyện V có việc, S đồng ý. Khi đi đến thôn T, đoạn cách nhà anh N khoảng 300 mét thì C xuống xe, bảo T đi ra ngã ba T - thôn H - xã T đợi C.T bảo S điều khiển xe mô tô đèo đến quán Internet *"Tới Béo"* ở thôn N- xã T chơi điện tử trong lúc đợi C, anh S đồng ý, đèo T đến quán Internet rồi anh S đi về.Về phía C, C một mình đi bộ vào nhà anh N, hỏi mượn xe anh N như đã điện thoại từ trước. Anh N bảo mẹ là bà Nguyễn Thị L - sinh năm 1976 vào trong nhà lấy khóa chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 98K1-118.15 cho C mượn. Sau khi lấy được khóa xe, C ngồi lên xe, nổ máy điều khiển xe ra khỏi cổng về hướng ngã ba Trại Chày như đã hẹn với T từ trước nhưng không thấy T đâu. C điện thoại cho T hỏi T đang ở đâu. Biết T đang chơi điện tử ở thôn N - xã T - huyện Việt Yên, C điều khiển xe mô tô đến đón. Khi gặp T, C hỏi T có biết chỗ nào cắm được xe thì mang đi cắm để lấy tiền chi tiêu.T đồng ý, điều khiển xe đèo C đến nhà anh Dương Đức M- sinh năm 1987 ở thôn H - xã T - huyện V - tỉnh Bắc Giang để cắm xe. Khi đến cổng nhà anh M, C xuống xe để một mình T đi vào. Khi gặp anh M, T nói dối anh M là xe của T, bảo anh M cắm, nhưng anh M không nhận cắm xe mà chỉ đồng ý cho T vay tiền để lại xe làm tin. T hỏi vay anh M 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) và để lại xe làm tin, anh M đồng ý, đưa tiền cho T và hai bên có viết giấy hẹn đến 22/12/2017 sẽ đến trả tiền, lấy xe. Lấy được tiền, T đi ra cổng, đưa hết tiền cho C, cả hai đến quán Internet *"68"* gần trường Đại học Nông Lâm - huyện Việt Yên chơi điện tử. T và C chơi điện tử đến khoảng 19h ngày 18/12/2017, C bảo T đến nhà anh M lấy thêm 1.000.000 đồng (một triệu đồng).T bắt xe ôm đến nhà anh M vay thêm 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nhưng anh M chỉ đồng ý đưa thêm 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). T cầm tiền, bắt xe ôm quay lại quán điện tử đưa cho C 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) vừa vay của anh M. T và C tiếp tục đánh điện tử tại quán đến khoảng 11 giờ ngày 19/12/2017 thì đi về. Số tiền 3.500.000 đồng vay của anh M, C và T đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 24/12/2017, anh Vũ Văn N đã làm đơn trình báo đến Công an huyện Việt Yên, đề nghị xử lý các đối tượng chiếm đoạt xe mô tô của anh theo quy định pháp luật.

Ngày 27/12/2017, anh Dương Đức M tự nguyện giao nộp cho C quan cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên chiếc xe mô tô do T để lại nhà anh làm tin.

Ngày 26/01/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên tiến hành định giá và kết luận chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 98K1-118.15 trị giá 13.000.000 VNĐ (Mười ba triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 31/CT - KSĐT ngày 17/04/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố Nguyễn Văn C ra trước Toà án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS 2015, truy tố Trần Văn T ra trước Tòa án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS 2015.

Tại phiên toà: Bị cáo Nguyễn Văn C và bị cáo Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là không oan, các bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, các bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.Ngoài ra các bị cáo nhất trí bồi thường cho anh Dương Đức M số tiền 3.500.000 đồng, mỗi bị cáo sẽ bồi thường cho anh M 1.750.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Đức M nhất trí với ý kiến của hai bị cáo. Yêu cầu bị cáo C phải bồi thường cho anh 1.750.000 đồng và bị cáo T phải bồi thường cho anh 1.750.000 đồng.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Các bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản" và "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và bị cáo Trần Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

-Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 9 đến 12 tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 23/12/2017.

-Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 9 đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 23/12/2017.

Áp dụng Điều 55 BLHS 2015: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo C phải chấp hành từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 23/12/2017.

-Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 03/02/2018.

Do các bị cáo làm nghề lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 587; 589 BLDS 2015; Điều 48 BLHS 2015 buộc bị cáo C bồi thường cho anh Dương Đức M số tiền 1.750.000 đồng, bị cáo T bồi thường cho anh Dương Đức M số tiền 1.750.000 đồng.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, qua công bố lời khai của bị hại và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Nguyễn Văn C và Trần Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ C sở kết luận: Hồi 17 giờ ngày 23/12/2017 tại cánh đồng thuộc thôn K- xã Q - huyện V - tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Văn C- sinh năm 1993, trú quán: Thôn N - xã T - huyện V- tỉnh Bắc Giang đã có hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 98K1-109.07, trị giá 15.000.000 đ (Mười lăm triệu đồng) của anh Nguyễn Văn T- sinh năm 1987, trú quán: thôn Đ - xã B - huyện V - tỉnh Bắc Giang (xe do anh T mượn của anh Chu Hoàng M- sinh năm 1991, trú quán: thôn Đ- xã Q - huyện V - tỉnh Bắc Giang)

Ngoài ra, khoảng 19 giờ ngày 17/12/2017, Nguyễn Văn C còn cùng Trần Văn T- sinh năm 1994, trú quán: thôn N - xã T - huyện V - tỉnh Bắc Giang lừa đảo chiếm đoạt của anh Vũ Văn N- sinh năm 1993 ở thôn T - xã T - huyện V - tỉnh Bắc Giang một xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng - đen - bạc, biển kiểm soát 98K1-118.15 trị giá 13.000.000 VNĐ (Mười ba triệu đồng). Sau đó,T và C điều khiển xe đến nhà anh Dương Đức M- sinh năm 1987 ở thôn H - xã T - huyện V - tỉnh Bắc Giang vay anh M 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) và để lại xe làm tin.

[2] Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp với giá trị tài sản là 15.000.000 đồng và cùng bị cáo T lừa đảo chiếm đoạt của anh N xe mô tô trị giá 13.000.000 đồng. Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS 2015 và tội

“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS là hoàn toàn có căn cứ.

Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo đã cùng bị cáo C lừa đảo chiếm đoạt của anh N xe mô tô trị giá 13.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo đã hai lần phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và đã bị đưa ra xét xử năm 2013 và 2015. Bị cáo chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 BLHS 2015 là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, do vậy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4]Xét về vai trò của các bị cáo trong vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thì thấy đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn. Bị cáo C là người chủ động rủ bị cáo T và là người trực tiếp điện, đến lấy xe của anh N do vậy bị cáo C giữ vai trò chính còn bị cáo T là người mang xe đi cắm nên giữ vai trò sau.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn C là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự còn bị cáo Trần Văn T là người có nhân thân xấu.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo còn được người liên quan xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy cần áp dụng điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đối với hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Riêng bị cáo C còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS 2015.

[8] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, điều luật đã viện dẫn. Hội đồng xét xử xét thấy: Cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

Các bị cáo hiện không có nghề nghiệp ổn định, đang làm thuê và không có tài sản riêng nên không cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, anh Dương Đức M và các bị cáo đều nhất trí mỗi bị cáo phải bồi thường cho anh M số tiền 1.750.000 đồng nên cần áp dụng các Điều 584; 585; 587; 589 BLDS 2015; Điều 48 BLHS 2015 buộc bị cáo C phải bồi

thường cho anh M 1.750.000 đồng, bị cáo T phải bồi thường cho anh M 1.750.000 đồng.

[9] Đối với Vũ Ngọc C là người C khai cùng C thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng khi bắt quả tang chỉ một mình C đang thực hiện hành vi, quá trình điều tra đã cho đối chất giữa C và C nhưng C không thừa nhận cùng C bàn bạc, thực hiện hành vi phạm tội, do đó C quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với người thanh niên lạ mặt, C khai là bạn của C, cũng cùng thực hiện hành vi trộm cắp nhưng C không biết tên, tuổi, địa chỉ nên C quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ điều tra, xử lý.

Đối với chiếc khẩu trang và mũ do người T niên lạ mặt mua cho C, C khai đã đánh rơi trên đường đi từ TT. N - huyện V đến thôn K - huyện V, C không nhớ đánh rơi ở đâu nên cơ quan CSĐT Công an huyện Việt Yên không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc cờ lê, lục lăng C dùng để phá khóa xe mô tô, C khai đã đưa cho C sau khi phá được khóa xe. Cơ quan CSĐT Công an huyện Việt Yên đã tiến hành đối chất giữa C và C nhưng C không thừa nhận cùng C bàn bạc, thực hiện hành vi phạm tội, do đó không thu giữ được.

Đối với anh Nguyễn Văn S, là người điều khiển xe đến đón và đưa T, C đến thôn T - xã T- huyện V - tỉnh Bắc Giang, nhưng không biết mục đích các bị cáo đến đó làm gì nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với anh Dương Đức M là người cho T vay tiền, để lại xe làm tin, anh không biết xe là do phạm tội mà có nên C quan Cảnh sát điều tra không đề cập xử lý.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, ban đầu bị cáo Nguyễn Văn C còn khai nhận cùng Vũ Ngọc C- sinh năm 1993 và Lê Văn H - sinh năm 1993, cùng trú tại thôn N - TT. N - huyện V - tỉnh Bắc Giang bàn bạc, trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, BKS 98K7-3925 của anh Lưu Thế D - sinh năm 1995, trú quán: thôn - xã T - huyện V - tỉnh Bắc Giang tại quán Internet của anh Nguyễn Văn L - sinh năm 1990 ở thôn H - xã T - huyện V - tỉnh Bắc Giang. Cơ quan CSĐT Công an huyện Việt Yên đã cho đối chất giữa Nguyễn Văn C và Vũ Ngọc C, Lê Văn Hồng nhưng C, Hồng đều không thừa nhận cùng thực hiện hành vi trộm cắp như C đã khai. Trong quá trình điều tra và giai đoạn truy tố, bị cáo Nguyễn Văn C đã thay đổi lời khai, không thừa nhận thực hiện hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của anh D như đã khai trước đó. Như vậy, không đủ căn cứ để truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về hành vi trộm cắp chiếc xe mô tô của anh D.

[10] Bị hại, người liên quan, người làm chứng vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai tại C quan điều tra.Việc vắng mặt bị hại, người liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Ngoài ra cần áp dụng Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2

Điều 136; các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự để buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST, DSST và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn C 10** tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 23/12/2017.

-Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Văn C 10** tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 23/12/2017.

Căn cứ Điều 55 BLHS 2015: Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo **Nguyễn Văn C**phải chấp hành hình phạt chung **20** tháng tù.Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 23/12/2017.

-Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo **Trần Văn T 30** tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 03/02/2018.

+Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; 585; 587; 589 BLDS 2015, Điều 48 BLHS 2015.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải bồi thường cho anh Dương Đức M 1.750.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho anh Dương Đức M 1.750.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015.

+Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Buộc bị cáo C và bị cáo T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người liên quan vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1 b);
- VKSND tỉnh (1b);
- VKSND huyện Việt Yên(2b);
- T.H.A.(4 b);
- Lưu HS.VP (1 b);
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên